

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 27/02/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về		Ghi chú	
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người		Hàng
1	406	CLO+P3	7:25	21+1	0+0		13+1	0+0	
2	427	PVD2+TD1	7:25	3+19	0+0		3+19	0+0	
3	424	PVD2	7:25	22	0		22	0	
4	427	PVD2+PPD+RP2	9:25	13+9+0	0+0+0		13+2+4	0+0+0	
5	406	CTK3+JS2	9:25	10+12	0+0.		0+0	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/02/2018	TO: CLO - P3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: LBình - Linh - PTUẤN	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN KHOA	CLO	95	1	3		64	KHOAN	SQW Vietnamese
2	PHAN QUANG HIẾN	CLO	26	1	7		64	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CLO	27	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
4	ĐÌNH XUÂN PHÚ	CLO	29	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
5	BUI XUÂN DUY	CLO	41	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
6	PHUNG BA TUAT	CLO	33	1	2		80	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐĂNG BAO	CLO	632	1	5	37	70	KHOAN	Vietnamese
8	ĐỖ TRƯỜNG GIANG	CLO	23	1	7	20	80	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN CÔNG BĂNG	CLO	28	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ VĂN ĐĂNG	CLO	24-25	2	9		53	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ MẠNH HUNG	CLO	40	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN MINH TUẤN	CLO	32	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THUẬN	CLO	30	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM KIẾN TRÚC	CLO	44-45	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN THỦY	CLO	531	1	17		65	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN ĐỨC HÙNG	CLO	633	1	13		70	XAYLAP	Vietnamese
17	HOANG THAI TAI	CLO	30-31	2	17		62	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN MẠNH CƯỜNG	CLO	29	1	17		75	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN VIỆT LỘC	CLO	636-637	2	15		55	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN MINH TÂM	CLO	634-635	2	8		60	XAYLAP	Vietnamese
21	LE VĂN QUANG	CLO	638-639	2	14		75	XAYLAP	Vietnamese
22	VŨ TRUNG KIẾN	P3	01	1	10	20	75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	21	27	182	1.438	57	13		
2	P3	1	1	10	75	20	1		
TOTAL		22	28	192	1.513	77	14		
WEIGHT KG				192	1.513	77			

GRAND TOAL: 1.782 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/02/2018	TO: PVD2 - TD1	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Hạnh - DUONG - NNam -	ETA: 09:10
XANH-1		DTùng	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN BINH MINH	PVD2	67	1	7		69	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN HUY TU	PVD2	68-69	2	12		74	KHOAN	Vietnamese
3	DONALD LEE GAY	PVD2	65-66	2	20		145	KHOAN	American
4	BUI VAN LUẬN	TD1	72	1	6		55	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN MẠNH HÙNG	TD1	64	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN ĐÌNH NAM	TD1	79	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN TRỌNG HÙNG	TD1	59	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN THANH TUAT	TD1	68	1	6		52	KHOAN	Vietnamese
9	TRƯƠNG XUÂN TRUNG	TD1	65	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
10	NINH ĐỨC THUẬT	TD1	58	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN HUY QUANG	TD1	70	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN QUANG LƯỢNG	TD1	61	1	6		84	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN MẠNH TIẾP	TD1	71	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
14	DƯƠNG VĂN TUẤN	TD1	67	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM VĂN HOÀN	TD1	60	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ QUY VINH	TD1	78	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ VIỆT THÀNH	TD1	74	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
18	ĐOÀN VĂN KHUU	TD1	73	1	10	50	60	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN TRỌNG TIẾN	TD1	66	1	12		82	KHOAN	Vietnamese
20	NGÔ DUY NGỌC	TD1	62	1	15		61	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN ĐỨC VIỆT	TD1	63	1	12		55	KHOAN	Vietnamese
22	PHẠM VĂN THUY	TD1	69	1	6		70	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	3	5	39	288	0	3		
2	TD1	19	19	130	1.266	50	19		
TOTAL		22	24	169	1.554	50	22		
WEIGHT KG				169	1.554	50			

GRAND TOAL: 1.773 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/02/2018	TO: PVD2	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: PHÚ - LHàI - THẢO - DSON	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE KHAC KIEN	PVD2	17	1	8		55	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC QUY	PVD2	21-22	2	17		62	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG NHAT MINH	PVD2	23	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN HOANG PHONG	PVD2	20	1	10		88	KHOAN	Vietnamese
5	PHAM VU TRUONG GIANG	PVD2	30-31	2	12		60	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN DUC NGU	PVD2	35	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN DANH PHONG	PVD2	32	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
8	MAI QUOC MINH	PVD2	34	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
9	LE NGOC MANH	PVD2	26	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN THANH THE	PVD2	24	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN CHIEN THANG	PVD2	15	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
12	DO MINH THANH	PVD2	45	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN DAC KIM	PVD2	16	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN QUANG THINH	PVD2	33	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN HUY NINH	PVD2	19	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
16	LE NGOC HA	PVD2	25	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN ANH	PVD2	29	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN XUAN TUAN	PVD2	27	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
19	DANG QUOC THAI	PVD2	28	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
20	LE QUANG HUNG	PVD2	36	1	3		61	KHOAN	Vietnamese
21	TRAN TAN DAT	PVD2	14	1	8		56	KHOAN	Vietnamese
22	TRAN THE DANG	PVD2	18	1	6		78	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	
1	PVD2	22	24	139	1.495	0	22	
	TOTAL	22	24	139	1.495	0	22	
	WEIGHT KG			139	1.495	0		

GRAND TOAL: 1.634 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27-Feb-18	TO: PVD2 - PPD - RP2	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:30
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Hạnh - DUONG - Nam	ETA: 11:10
XANH-2		DTùng	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN MINH VUONG	PVD2	98	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN DINH AN	PVD2	92	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
3	PHAM MINH HOA	PVD2	90	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VU DUYEN	PVD2	83	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN THANH TAM	PVD2	91	1	12	25	52	KHOAN	Vietnamese
6	DUONG THAI SON	PVD2	81	1	13	8	72	KHOAN	Vietnamese
7	KIEU TUAN ANH	PVD2	78	1	10	35	90	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN HUU VIET	PVD2	79	1	12		62	KHOAN	Vietnamese
9	LUU BA XO	PVD2	80	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
10	VUONG KIEN QUOC	PVD2	82	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TIET	PVD2	93	1	13		75	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN DUC TOAN	PVD2	84-85	2	17		55	KHOAN	Vietnamese
13	TRINH HUU KIEN	PVD2	87-88	2	7		78	KHOAN	Vietnamese
14	MAI HAI LONG	PVD2	86	1	7		76	D-HANH	Vietnamese
15	NGUYEN VAN MANH	PPD	97	1	6		62	LILAMA	Vietnamese
16	PHAN HUY THUONG	PPD	91	1	5		78	LILAMA	Vietnamese
17	HINH NGOC GIANG	PPD	94	1	5		67	LILAMA	Vietnamese
18	TRAN QUOC TOAN	PPD	93	1	5		80	LILAMA	Vietnamese
19	DANG VAN MANH	PPD	95	1	6		60	LILAMA	Vietnamese
20	NGUYEN CONG HUY	PPD	92	1	6		60	LILAMA	Vietnamese
21	HO THE SON	PPD	96	1	7		60	LILAMA	Vietnamese
22	SAFONOV	RP2	30	1	10	20	80	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	14	16	128	970	68	13		
2	PPD	7	7	40	467	0	2		
3	RP2	1	1	10	80	20	5		
TOTAL		22	24	178	1.517	88	20		
WEIGHT KG				178	1.517	88			

GRAND TOAL: 1.783 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/02/2018	TO: CTK3 - JS2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:35
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: LBinh - Linh - PTUÁN	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHÙNG ANH TUẤN	CTK3	49	1	5	14	69	LILAMA18	Vietnamese
2	DUƠNG VĂN CUÔNG	CTK3	39	1	10		65	LILAMA18	Vietnamese
3	LE CONG BINH	CTK3	40	1	6		51	LILAMA18	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN DŨNG	CTK3	43	1	6		55	LILAMA18	Vietnamese
5	VŨ LÊ HUNG	CTK3	38	1	4		54	LILAMA18	Vietnamese
6	NGUYEN HOANG KHANH	CTK3	41	1	5		67	LILAMA18	Vietnamese
7	VŨ QUANG HẬU	CTK3	46	1	10	17	55	LILAMA18	Vietnamese
8	HOANG VAN HUY	CTK3	44-45	2	17		82	LILAMA18	Vietnamese
9	TRẦN CÔNG LỤC	CTK3	48	1	4		63	LILAMA18	Vietnamese
10	HOANG VAN HAO	CTK3	42	1	3		70	LILAMA18	Vietnamese
11	TRẦN ĐẠI HUNG	JS2	47	1	10		75	DVL	Vietnamese
12	CHU ĐÌNH THANH	JS2	45	1	7		52	DVL	Vietnamese
13	DUƠNG MINH VIỆT	JS2	43	1	5		64	DVL	Vietnamese
14	VŨ NGỌC TIẾN	JS2	42	1	7	48	74	DVL	Vietnamese
15	NGO THANH SƠN	JS2	44	1	11		76	DVL	Vietnamese
16	PHAN NGỌC TIẾN	JS2	46	1	8		60	DVL	Vietnamese
17	LÊ VĂN DŨNG	JS2	35	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
18	TÀ QUỐC CHINH	JS2	37-38	2	20		78	XAYLAP	Vietnamese
19	NGO VAN TUAN	JS2	40-41	2	11		76	XAYLAP	Vietnamese
20	HOANG VAN NAM	JS2	36	1	12		60	XAYLAP	Vietnamese
21	PHẠM VĂN LONG	JS2	39	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese
22	LÊ VĂN KHANH	JS2	33-34	2	18		56	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	10	11	70	631	31	0		
2	JS2	12	15	129	808	48	0		
TOTAL		22	26	199	1.439	79	0		
WEIGHT KG				199	1.439	79			

GRAND TOAL: 1.717 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/02/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+CNV	7:25	20+2	0+0		17+1	0+0	
2		MRM+VSP01	7:25	6+16	0+0		5+16	0+0	
3		MRM	7:25	22	0		12	0	
4		P6+RC3+RP2	7:25	22+0+0	0+0+0		16+2+4	0+0+0	
5		P4+P8+CTK3	9:25	8+13+1	0+0+0		0+11+5	0+0+0	
6		PPD+VSP01	9:25	2+20	0+0		0+14	0+0	
7		TC1+TC3+P8	9:25	6+5+11	0+0+0		5+5+11	0+0+0	
8		TGTH4+TGTH5+AMD	9:25	2+1+19	0+0+0		2+1+19	0+0+0	
9		AMD+TC2+P6	11:25	11+5+6	0+0+0		5+6+11	0+0+0	

TTBBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/02/2018	TO: TD2 - CNV	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Vận - MTuấn - Trường	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ XUÂN VANG	TD2					75	KHOAN	Vietnamese
2	TRƯƠNG HỮU PHƯỚC	TD2	39	1	10		60	YTE	Vietnamese
3	SMIRNOV V.S	TD2	26	1	5	74	92	KHOAN	Russian
4	NGHIÊM XUÂN VIỆT	TD2	34-35	2	15		65	KHOAN	Vietnamese
5	BUI THỌ DUƠNG	TD2	41	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
6	TRỊNH QUỐC KHANH	TD2	30	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
7	ĐÌNH VĂN HUAN	TD2	27	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
8	PHAN VĂN DIỆP	TD2					85	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN KHÁC HA TRUNG	TD2					80	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN XUÂN UYÊN	TD2	33	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC KHANH	TD2	28	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ VĂN ĐOÀI	TD2	37-38	2	10		90	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG THỰC	TD2	29	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ VĂN THUY	TD2	36	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	LE TIEN DUNG	TD2	31	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
16	NGUYỄN ANH TUẤN	TD2					87	D-HANH	Vietnamese
17	PHẠM QUANG TUẤN	TD2					90	D-HANH	Vietnamese
18	HÀ VĂN CẢNH	TD2	32	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
19	LE VĂN THẮNG	TD2	40	1	12		65	DVL	Vietnamese
20	UDACHIN D.V	TD2	45	1	10		75	DVL	Russian
21	HỒ CHIẾN THẮNG	CNV	51-52	2	10	50	70	CODIEN	Vietnamese
22	ĐOÀN MINH TUẤN	CNV	56-57	2	17		60	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	20	17	106	1.494	74	17		
2	CNV	2	4	27	130	50	1		
TOTAL		22	21	133	1.624	124	18		
WEIGHT KG				133	1.624	124			

GRAND TOAL: 1.881 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/02/2018	TO: MRM - VSP01	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - Năm	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TYUNIN DMITRY	MRM	48	1	8		89	KHOAN	Russian
2	KIIASHKO VITALII	MRM	88	1	10		127	KHOAN	Russian
3	MIROPOLTSEV ANATOLII	MRM	97	1	5		100	KHOAN	Russian
4	BARILENKO ALEKSANDR	MRM	98-99	2	24		108	KHOAN	Russian
5	PERAFONTOV EVGENY	MRM	87	1	5		103	KHOAN	Russian
6	SIZOV DMITRII	MRM	798	1	15		109	KHOAN	Russian
7	LE VAN HAU	VSP01					78	CTY LONG	Vietnamese
8	NGUYEN XUAN TUNG	VSP01	40	1	5	12	60	CTY LONG	Vietnamese
9	PASKEVICH V.V.	VSP01	35	1	10		103	KH-THAC	Russian
10	VU NGUYEN TRUNG	VSP01					47	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN BAC HA	VSP01	32	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
12	DOAN THINH LUONG	VSP01	31	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	VO VAN SINH	VSP01	29-30	2	12		70	YTE	Vietnamese
14	LUU VAN KHUONG	VSP01	42	1	5		80	DANG KIEM	Vietnamese
15	PHAM DINH TUAN	VSP01	41	1	5		60	DANG KIEM	Vietnamese
16	NGUYEN THUY HAI	VSP01	43	1	5		75	DANG KIEM	Vietnamese
17	PHAM VAN LOI	VSP01	26-27	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
18	TRUONG THANH PHU	VSP01					75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN BA BANG	VSP01	28	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
20	GURIN V.V.	VSP01	34	1	5		99	KH-THAC	Russian
21	NGUYEN NGOC LAN	VSP01					72	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN DUY BINH	VSP01	33	1	5		91	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	6	7	67	636	0	5		
2	VSP01	16	14	82	1.203	12	16		
TOTAL		22	21	149	1.839	12	21		
WEIGHT KG				149	1.839	12			

GRAND TOAL: 2.000 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28-Feb-18	TO: MRM	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: LBinh - MTHAO - Toan	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TIKHONOV EVGEHII	MRM	98	1	5		100	KHOAN	Russian
2	GAINUTDINOV NAIL	MRM	02	1	10		70	KHOAN	Russian
3	CHAU PHAN MINH NHAT	MRM	52	1	10		81	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN THANH DUY	MRM	51	1	6		51	KHOAN	Vietnamese
5	BUI THIEN THUAT	MRM	55,91	2	15		78	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN MINH PHU	MRM	53-54	2	13		47	KHOAN	Vietnamese
7	IVANOV NIKOLAY	MRM	97	1	5		79	KHOAN	Russian
8	DENIKIN SERGEY	MRM	400	1	9		93	KHOAN	Russian
9	BREUSOV ALEKSANDR	MRM	01	1	6		62	KHOAN	Russian
10	IAKUNIN IGOR	MRM	96	1	11		100	KHOAN	Russian
11	SELIVANOV VLADISLAV	MRM	99	1	8		70	KHOAN	Russian
12	GRIGOREV ALEKSANDR	MRM	03-04	2	20		62	KHOAN	Russian
13	TRINH CHI CUONG	MRM	12	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
14	BUI DUC CHUYEN	MRM	11	1	7		53	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG TUAN NAM	MRM	13	1	9		56	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN MANH	MRM	09-10	2	6		68	KHOAN	Vietnamese
17	LE VAN HUY	MRM	93-94	2	16		63	KHOAN	Vietnamese
18	DO HUU LUU	MRM	92	1	14		69	KHOAN	Vietnamese
19	TA THAI DUONG	MRM	95	1	11		52	KHOAN	Vietnamese
20	MOHD AIDI BIN MADON	MRM	05-06	2	20		75	KHOAN	Malaysian
21	NGUYEN MANH HA	MRM	07	1	5	22	70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	21	27	211	1.464	22	12		
	TOTAL	21	27	211	1.464	22	12		
	WEIGHT KG			211	1.464	22			

GRAND TOAL: 1.697 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/02/2018	TO: P6 - RC3 - RP2	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - CHIẾN - Luy -	ETA: 09:30
TRANG 1 A		DTùng	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH QUANG TRUNG	P6	17	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN VAN VIET	P6	21	1	5		64	GETRACO	Vietnamese
3	TRẦN QUỐC DOANH	P6	19	1	4		77	GETRACO	Vietnamese
4	TÔ ĐÌNH TỰ	P6	16	1	5		65	YTE	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TÀI	P6	15	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN PHỤ	P6	08	1	3	40	74	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN KHƯƠNG	P6	18	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN CỬ	P6	13	1	3		54	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN THUY	P6	06	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ ĐỨC HOE	P6	01	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ ĐÌNH SỸ	P6	20	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
12	TICHONOV A.N	P6	04	1	5		92	KH-THAC	Russian
13	NIKITIN.D.I	P6	07	1	6		90	KH-THAC	Russian
14	PHẠM VĂN ĐOÀ	P6					65	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ THANH ĐO	P6	11	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN THIN	P6	10	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN XUÂN QUANG	P6	09	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG	P6	12	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐÀO KIM SÂM	P6	05	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
20	LAM VĂN KHƯƠNG	P6	03	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐO HOÀNG TRỌNG	P6	14	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI THỨC PHỤC	P6	02	1	2		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	22	21	91	1.516	40	16		
2	RC3	0	0	0	0	20	2		
3	RP2	0	0	0	0	40	4		
TOTAL		22	21	91	1.516	100	22		
WEIGHT KG				91	1.516	100			

GRAND TOAL: 1.707 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28-Feb-18	TO: P4 - P8 - CTK3	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Vận - MTuấn - Trường	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN XUAN NHAC	P4	31-32	2	17		70	PVC-PT	Vietnamese
2	ĐO VAN CHIN	P4	37	1	5		65	PVC-PT	Vietnamese
3	NGUYEN HUU THU	P4	36	1	10		75	PVC-PT	Vietnamese
4	NGUYEN HUU DINH	P4	35	1	10		75	PVC-PT	Vietnamese
5	HA DANH THE	P4	30	1	5		70	PVC-PT	Vietnamese
6	NGUYEN TUAN THANH	P4	33	1	10		72	PVC-PT	Vietnamese
7	VU ANH ĐUC	P4	28-29	2	10		70	PVC-PT	Vietnamese
8	NGUYEN CANH TOAN	P4	34	1	10		65	PVC-PT	Vietnamese
9	NGUYEN THANH TAM	P8	05	1	8		65	YTE	Vietnamese
10	NG. GIA CHUNG	P8	02	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN QUY	P8	14	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	LE TRUONG SA	P8	09	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
13	HUYNH CHANH PHAT	P8	06-07	2	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	LE QUANG HIEN	P8					70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN QUOC VIET	P8	04	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
16	LE TUAN ANH	P8	12	1	5	20	70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VIET KHA	P8	08	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	LUONG VAN QUYET	P8	11	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN ANH ĐUC	P8	10	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
20	LE VAN TAN	P8	01	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	OVCHARENKO A.H.	P8	03	1	10		88	KH-THAC	Russian
22	MAI VAN DUNG	CTK3				15	70	SBAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	8	10	77	562	0	0		
2	P8	13	13	70	908	20	11		
3	CTK3	1	0	0	70	15	5		
TOTAL		22	23	147	1.540	35	16		
WEIGHT KG				147	1.540	35			

GRAND TOAL: 1.722 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/02/2018	TO: PPD - VSP01	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:35
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: LBinh - MTHAO - Toan	ETA: 11:15
<i>cam-2</i>			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ HỮU ĐỊNH	PPD	16	1	12		79	KHI	Vietnamese
2	PHẠM BA LÂM	PPD	13	1	5	20	55	LILAMA	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC THÔNG	VSP01	09	1	8		95	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HOANG LONG	VSP01	06	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	HUYNH TRỌNG KIM	VSP01	08	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM HUY BÌNH	VSP01	05	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
7	HUYNH VAN THON	VSP01					76	KH-THAC	Vietnamese
8	NGÔ XUÂN ĐỨC	VSP01	07	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN NGHĨA	VSP01					80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUANG NAM	VSP01	20	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN XUÂN THUY	VSP01					82	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THUẬN HAI	VSP01	12	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN BA NGỌC	VSP01	10	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ANH THẮNG	VSP01	04	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI NGUYỄN QUANG	VSP01	18	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
16	DOAN VIET ĐĂNG	VSP01	13-14	2	6		60	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN ANH TUẤN	VSP01					65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN TOÀN	VSP01	17	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM VĂN TRƯỞNG	VSP01	15	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN QUỐC TUẤN	VSP01	11	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
21	THAI VĂN TUẤN	VSP01	16	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
22	ROGINSKY	VSP01	19	1	11		104	ANTOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	2	2	17	134	20	0		
2	VSP01	20	17	89	1.420	0	14		
TOTAL		22	19	106	1.554	20	14		
WEIGHT KG				106	1.554	20			

GRAND TOAL: 1.680 KGS

VSP REP.
[Signature]

VNH REP.
[Signature]

CAPTAIN
[Signature]



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/02/2018	TO: TTC1 - TTC3 - P8	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - Năm	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN THANH	TTC1	11	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN CÔNG TUYẾN	TTC1	09-10	2	15		85	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM TRUNG THUY	TTC1	12	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HUY HUNG	TTC1	13	1	8	32	63	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG LONG HAI	TTC1	14	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN QUYNH	TTC1					67	GETRACO	Vietnamese
7	BẠCH ANH TUẤN	TTC3	17	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ ĐẠI THANH	TTC3	19	1	5	35	64	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN TRỌNG HIỆU	TTC3	21	1	2		53	KH-THAC	Vietnamese
10	TÔ TIẾN DŨNG	TTC3	18	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH SỰ	TTC3	20	1	5		65	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU DŨNG	P8	16	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN DŨNG	P8	11	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC HUNG	P8	10	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN THANH HOANG	P8	17	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN GIA KHANH	P8	12	1	2		68	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ HUY MẠNH	P8	14	1	4		83	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG TIẾN	P8	08	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN HAI	P8	13	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN QUANG	P8	09	1	2		67	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG TRUNG HẬU	P8	06-07	2	14		65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH VINH	P8	15	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	6	6	47	422	32	5		
2	TTC3	5	5	20	327	35	5		
3	P8	11	12	62	740	0	11		
TOTAL		22	23	129	1.489	67	21		
WEIGHT KG				129	1.489	67			

GRAND TOAL: 1.685 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/02/2018	TO: TGTH4 - TGTH5 - AMD	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - CHIẾN - Luy -	ETA: 11:30
TRANG-2		DTùng	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN ĐÌNH	TGTH4	75	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM THANH HUNG	TGTH4	84-85	2	11		58	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI VAN HUONG	TGTH5	80-81	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN DAI NGHIA	AMD	14	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
5	CU XUAN HUY	AMD	15	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI XUAN TAO	AMD	02	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG VAN THE	AMD	81	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	TRUONG THE HIEN	AMD	83	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
9	NG. TRAN ĐUC MINH	AMD	12	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
10	TRINH VAN PHA	AMD	04-05	2	6		61	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN TÂN	AMD	82	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ MẠNH HÀ	AMD	11	1	11		90	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN ĐÌNH HIẾU	AMD	06	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HUNG	AMD	84	1	5	70	72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN DAN	AMD	09-10	2	13		63	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM ANH NGŨ	AMD	07	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐOÀN VĂN DŨNG	AMD	80	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG HO NGHIA	AMD	13	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC THU	AMD	16	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ XUAN HA	AMD	03	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG VĂN GIANG	AMD	08	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM VĂN LAM	AMD	01	1	10		12	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH4	2	3	19	126	0	2		
2	TGTH5	1	2	12	70	0	1		
3	AMD	19	21	128	1.281	70	19		
TOTAL		22	26	159	1.477	70	22		
WEIGHT KG				159	1.477	70			

GRAND TOAL: 1.706 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28-Feb-18	TO: AMD - TTC2 - P6	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:30
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Vận - MTuấn - Trường	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ THANH TÂN	AMD	04	1	10		59	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN LUONG	AMD	05	1	13		70	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN LỢI	AMD	06	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM XUÂN KHOA	AMD	12	1	15		64	KH-THAC	Vietnamese
5	TRINH BICH NGOC	AMD	10-11	2	11		66	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN THANH QUANG	AMD	07	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
7	CAO KINH THAO	AMD	13	1	11		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN MINH	AMD	08-09	2	17		79	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ VĂN CUNG	AMD	03	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DINH KHOI	AMD	01-02	2	17	17	61	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN HOANG DAN	AMD	14-15	2	16		57	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐO NGUYEN HONG THANH	TTC2	18	1	7	50	83	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG VAN THUC	TTC2	21	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ TUẤN ANH	TTC2	20	1	4		51	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TUẤN MINH	TTC2	17	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN HUYNH	TTC2	19	1	4		75	PSV	Vietnamese
17	TRẦN HUY THÔNG	P6	24	1	2		80	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐÔNG XUÂN PHU	P6	25	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
19	NINH QUỐC HỘI	P6					81	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐO CÔNG MINH	P6	27	1	3	10	70	GETRACO	Vietnamese
21	BUI VAN QUOC	P6	28	1	4		60	GETRACO	Vietnamese
22	NGUYEN NGOC SON	P6	26	1	4		82	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	11	15	130	717	17	5		
2	TTC2	5	5	25	339	50	6		
3	P6	6	5	22	433	10	11		
TOTAL		22	25	177	1.489	77	22		
WEIGHT KG				177	1.489	77			

GRAND TOAL: 1.743 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN